

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 92/2025/HC-PT

Ngày 22/8/2025

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trần Huy Đức, ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát việc xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 13/2025/TLPT-HC ngày 11/7/2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345A/2025/QĐ-PT ngày 08/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: bà **Vũ Thị Quỳnh T**, sinh năm 1988, vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của bà **T** là bà **Đặng Thị H** sinh năm 1960 (mẹ bà **T**);

Cùng địa chỉ: **thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk)** có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư **Bùi Phúc T1 - Công ty L** thuộc đoàn luật sư **Thành phố H**; địa chỉ: **C đường số F, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh**; vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (kế thừa là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk)**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH Một thành viên C**; địa chỉ: **K, Quốc lộ B, thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc xã E, tỉnh Đắk Lắk)** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện* đề ngày 15/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà **Vũ Thị Quỳnh T** trình bày: bà **T** là người sử dụng diện tích 9.962,8m² đất giao khoán với **Công ty TNHH MTV C** (sau đây viết tắt là Công ty) theo Hợp đồng giao - nhận khoán sản xuất cà phê với kinh doanh số

49Đ4/HDDGKCF-CT52 ngày 15/12/2021 và Hợp đồng số 9/HĐ-GNK ngày 01/11/2021. Diện tích đất trên thuộc khu vực đất bị Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu Trung tâm hành chính mới **huyện E**. Ngày 10/7/2024 **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 78/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ. Nhận thấy, việc **UBND huyện E** giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 chưa thỏa đáng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **T** vì:

Thứ nhất: Về đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất: Theo Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 **UBND huyện E** xác định khoản tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất là tài sản chung của Công ty và người nhận khoán là chưa đúng vì theo quy định tại mục 2 khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán là đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Trên thực tế theo Hợp đồng giao nhận khoán, **Công ty G** cho bà **T** dưới hình thức khoán ổn định theo chu kỳ nên tất cả các chi phí đầu tư vào đất theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014 đều do người nhận khoán đầu tư. Do đó, việc **UBND huyện E** xác định đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất là tài sản chung của Công ty và người nhận khoán là không đúng quy định của pháp luật và chưa phù hợp với thực tế khách quan.

Thứ hai: Đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm hộ gia đình bà **T** hiện nay có 05 nhân khẩu, trong đó có ông **Vũ Tiên D** đang làm nông, trực tiếp sản xuất trên đất nhận khoán. Hằng năm hộ gia đình bà **T** đều thực hiện đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính với phía Công ty đã giao khoán. Tại các văn bản Kết quả xác nhận của **UBND xã E** đều xác nhận hộ gia đình bà **T** có trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; tuy nhiên, theo Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của **UBND huyện E** lại không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là chưa đúng.

Thứ ba: Về hỗ trợ ổn định đời sống: Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của **UBND huyện E** không hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình bà **T** là chưa đúng vì theo quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014 sửa đổi bởi Nghị định 01/2017 thì hộ gia đình bà **T** sử dụng đất nhận khoán của Công ty, có hợp đồng giao khoán sử dụng đất. Hộ gia đình bà **T** trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích giao khoán và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư: Về xác định diện tích để tính các chi phí bồi thường, hỗ trợ: Theo các trích lục bản đồ địa chính của **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ** mà Trung tâm đã cung cấp thì không thể hiện bất kỳ phần diện tích nào thuộc hành lang giao thông và không nằm trong diện tích của hợp đồng giao khoán nên Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của **UBND huyện E** xác định 318m² không thuộc phạm vi giao khoán là chưa rõ ràng. Hơn nữa, Nhà nước thu hồi đất nhưng không bồi thường về quyền sử dụng đất mà chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất, vì vậy, cần xem xét người sử dụng đất đã đầu tư vào đất với diện tích thực tế

bao nhiêu để tính chi phí đầu tư vào đất là hợp lý để người nông dân có điều kiện ổn định đời sống và canh tác.

Nay, bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện E đối với phần hỗ trợ của bà **T**.

- Buộc UBND huyện E phải lập lại phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà **T** theo đúng quy định, cụ thể phải xác định lại đối tượng được hưởng chi phí đầu tư vào đất còn lại; bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà **T**; xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ.

* Người bị kiện UBND huyện E trình bày:

Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính đã được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền được pháp luật quy định.

Về nội dung khởi kiện:

- Về xác định lại đối tượng được hưởng chi phí đầu tư vào đất:

Thì Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 78. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo.

1. Tổ chức kinh tế đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường về đất; mức bồi thường về đất được xác định theo thời hạn sử dụng đất còn lại.

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại nếu chi phí này không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Trường hợp đất nông nghiệp không phải là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức kinh tế đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.”

Công ty TNHH MTV C cho biết có đầu tư chi phí vào đất nhưng không cung cấp được chứng từ đã đầu tư vào đất, bà **T** cho rằng mình có đầu tư vào đất nhưng cũng không cung cấp được chứng từ. Khoản 2, điều 78, Luật Đất đai năm 2013 quy định chi phí đầu tư vào đất còn lại tổ chức kinh tế (Công ty TNHH MTV C) và hộ gia đình, cá nhân nhận khoán (bà **Vũ Thị Quỳnh T**) đều được hưởng khoản bồi thường này nên UBND huyện xác định khoản tiền bồi thường

chi phí đầu tư vào đất là tài sản chung là đúng pháp luật, việc phân chia hoặc tranh chấp khoản bồi thường quan hệ giữa bà T và Công ty TNHH MTV C.

- Về yêu cầu tính lại hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Vũ Thị Quỳnh T:

Căn cứ xác nhận của UBND xã E và Công ty TNHH MTV C thì bà T đang tham gia BHXH bắt buộc tại Công ty CP T3, TP . nên bà T không phải là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, bà T không đủ điều kiện được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (*Kết quả xác nhận của UBND xã E dựa trên đối tượng quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29/9/2017 Bộ T4*). Đối tượng khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là: “7. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N2, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định” Căn cứ Công văn số 4310/UBND-NNMT, ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ xác định: + Số nhân khẩu trong hộ: Lấy theo nhân khẩu có trong hộ khẩu trước thời điểm thông báo thu hồi đất: + Số nhân khẩu không hưởng lương: là nhân khẩu không thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước, lương hưu, lương do các tổ chức khác chi trả thông qua hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội. Căn cứ Hợp đồng giữa bà T với Công ty TNHH MTV C xác định là hợp đồng cá nhân không phải hộ gia đình (Theo Quy định Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N2, lâm nghiệp nhà nước). Từ các căn cứ nêu trên xác định bà T không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống:

Theo khoản 1 Điều 17 Quyết định số 14 của UBND tỉnh Đ: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng và điều kiện để được hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống. “đ) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó; ”. Theo xác nhận của UBND xã E thì bà Vũ Thị

Quỳnh T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có thu nhập trên đất nên không đủ điều kiện áp dụng hỗ trợ ổn định đời sống.

- Về xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ thì căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc số 64/GXN-UBND đối với diện tích nhận khoán của bà **Vũ Thị Quỳnh T** của **UBND xã E**, ngày 12/3/2024 xác định:

Đối với thửa đất số 222 (một phần thửa 16), tờ bản đồ 68(14); Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 8652/TL-VPĐKĐĐ/KTĐC, **Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ** cấp ngày 13 tháng 12 năm 2022 và *Giấy chứng nhận QSD đất số CM 343963 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 02289 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/8/2018*. Thông báo thu hồi đất số 25/TB-UBND ngày 28/7/2022 của **UBND huyện E** về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng khu hành chính mới và các dự án phát triển đô thị **huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Thông báo thu hồi đất số 06/TB-UBND, ngày 19/01/2023 của **UBND huyện E** về việc Thông báo điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại thông báo thu hồi đất dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới **huyện E**. Diện tích thu hồi 1422,4m², diện tích giao khoán 3.586m², diện tích thu hồi theo bản đồ giao khoán 1.311m², diện tích chênh lệch giữa thu hồi với giao khoán tăng 1.11,4m², do biến động tăng đất đường 83,5m², diện tích biến động ranh tăng 27,9m², diện tích chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thực tế 0m². Xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất: Nhận khoán đất **Công ty TNHH MTV C** theo Hợp đồng số 49-Đ4/ĐHGKCF-CT52 ngày 15/12/2021 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.586m²; Đất đã được cấp *Giấy chứng nhận QSD đất số CM343963 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 02289 do Sở T5 cấp ngày 17/8/2018* cho **Công ty TNHH MTV C**).

Đối với thửa đất số 163, tờ bản đồ 68: Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 8670/TL-VPĐKĐĐ/KTĐC, **Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ** cấp ngày 13 tháng 12 năm 2022 và giấy chứng nhận QSD đất số AP 150640, ngày 09/12/2009 cho **Công ty TNHH MTV C**. Thông báo thu hồi đất số 25/TB-UBND, ngày 28/7/2022 của **UBND huyện E** về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng khu hành chính mới và các dự án phát triển đô thị **huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Thông báo thu hồi đất số 06/TB-UBND, ngày 19/01/2023 của **UBND huyện E** về việc Thông báo điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại thông báo thu hồi đất dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới **huyện E**. Diện tích thu hồi 4.587,8m², diện tích giao khoán 5.828m², diện tích chênh lệch giữa thu hồi với giao khoán tăng 219,6m² do biến động giảm đất đường 133,6m², diện tích biến động ranh tăng 93,7m², diện tích chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thực tế 39,9m². Xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất nhận khoán đất **Công ty TNHH MTV C**, theo Hợp đồng số 50-Đ4/ĐHGKCF-CT52 ngày 15/12/2021 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15, diện tích 5.828m²; đất đã được cấp *Giấy chứng nhận QSD đất số CM343963 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 02289 do Sở T5 cấp ngày 17/8/2018* cho **Công ty TNHH MTV C**.

Căn cứ hồ sơ thông tin nêu trên, UBND huyện đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đúng, đủ theo quy định của pháp luật; do đó, đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị Quỳnh T.**

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C trình bày:* bà **Vũ Thị Quỳnh T** có ký 02 hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH C là Hợp đồng số 49-Đ4/ĐHGKCF-CT52 ngày 15/12/2021 và Hợp đồng số 9/HĐ-GNK ngày 01/11/2021 với phương án nhận khoán sử dụng đất theo Nghị định 168/NĐ-CP được Tổng công ty C1 phê duyệt. Việc chi phí đầu tư hình thành tài sản là Công ty đầu tư 100% tài sản vườn cây, là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty. Chi phí đầu tư sản xuất hàng năm được thực hiện theo hợp đồng đã ký. Diện tích nhận giao khoán của bà **T** nằm trong diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện **E**. Đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, phía Công ty C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 072025/QĐ-TA ngày 20/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 144; điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 66, khoản 2 Điều 78, các Điều 82, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai; Khoản 5, 6 điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Căn cứ Khoản 1 Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

*[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị Quỳnh T**: Hủy bỏ một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện E đối với phần hỗ trợ của bà **Vũ Thị Quỳnh T**, về hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và phần không xác định diện tích 318m² đất giao thông thuộc lộ giới Quốc lộ B. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cụ thể phải hỗ trợ trực tiếp cho bà **Vũ Thị Quỳnh T** về chi phí đầu tư còn lại vào đất và phải thể hiện diện tích đất 318m² đất giao thông trong bản trích đo để xem xét tính diện tích đất phê duyệt bồi thường hỗ trợ cho phù hợp.*

*[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị Quỳnh T** về việc: Hủy bỏ một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà **Vũ Thị Quỳnh T**, trong đó bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.*

Về án phí:

- Bà **Vũ Thị Quỳnh T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do **Trần Văn T2** đã nộp thay theo Biên lai thu số 14172 ngày 06/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 02/6/2025, Ủy ban nhân dân huyện E kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Tại Quyết định số 430/QĐ-VKS-HC ngày 21/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của UBND huyện E và kháng nghị không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì cho rằng Quyết định 78/QĐ-UBND xác định bà T và Công ty C được hưởng chung khoản bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất là không đúng mà phải xác định mình bà T được hưởng khoản tiền này, cấp phúc thẩm xét thấy:

[1.1] Bà T ký 02 Hợp đồng nhận khoán với Công ty TNHH MTV C, trong đó có Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê với kinh doanh số 49Đ4/HĐGKCF-CT52 ngày 15/12/2021 (bút lục 66-68) diện tích 3.586m², “trên đất có cà phê trồng năm 2018”. Tại tiết 2.4 tiểu mục 2 mục B Điều 3 của Hợp đồng quy định trách nhiệm của bên A (Công ty C): “... 2.4. Thực hiện các hoạt động cung ứng dịch vụ, đầu tư vật tư phân bón đúng chất lượng, chủng loại, thời điểm chăm sóc, tiền vốn, khuyến nông, tưới nước, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho bên B chủ động sản xuất”; quy định về trách nhiệm của bên B (bà T): “...Quản lý thâm canh, chăm sóc vườn cây và các tài sản khác ... Cải tạo, bồi dưỡng đất... ”. Tại bản tự khai ngày 22/11/2024,

ông **Đỗ Viết D1** (đại diện theo ủy quyền của **Công ty C**) xác định: “*Vườn cây thuộc quyền sở hữu của Công ty, do Công ty D1. Chi phí đầu tư sản xuất hàng năm được thực hiện theo hợp đồng đã ký*”. Vì vậy, **UBND huyện E** căn cứ khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 phê duyệt khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại với mức 10%, xác định chi phí này là tài sản chung của **Công ty C** và bà **Vũ Thị Quỳnh T** là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bà **T** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí đầu tư vào đất chỉ do mình bà **T** bỏ ra; trong khi đất bị thu hồi là của Công ty được **UBND tỉnh** cho thuê, chi phí đầu tư vào đất chưa được các bên giải quyết trong quá trình thỏa thuận thanh lý hợp đồng; do đó, trên cơ sở thỏa thuận tại hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê với kinh doanh số 49 Đ4/HĐGKCF-CT52, bà **T** có quyền khởi kiện vụ án dân sự về vấn đề này. Bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của **UBND huyện E** vì cho rằng bà **T** được hưởng toàn bộ chi phí đầu tư vào đất là không có căn cứ, ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của Công ty, làm mất quyền khởi kiện vụ án dân sự của Công ty khi các bên có tranh chấp.

[2] Xét kháng cáo của **UBND huyện E** và kháng nghị không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của **UBND huyện E** vì cho rằng Ủy ban nhân dân huyện E chưa thể hiện diện tích 318m² đất giao thông thuộc lộ giới **Quốc lộ B** trong bản Trích đo và chưa xem xét bồi thường đối với diện tích đất này là không đúng, cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê với kinh doanh số 49 Đ4/HĐGNKCF-CT52 ngày 15/12/2021 giữa bà **T** với Công ty cà phê 52 thể hiện thửa đất số 222 (một phần thửa số 16) tờ bản đồ 68 (15), diện tích 4.186 m², diện tích giao khoán 3.586m², diện tích được hỗ trợ 3.880,5m², diện tích không được hỗ trợ 305,5m², trong đó: diện tích ngoài phạm vi giao khoán là 296,9m² và diện tích không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cà phê 52 là 8,6m². Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cây trồng màu giai đoạn 2020 - 2024 số 9/HĐ-GNK ngày 01/11/2021 giữa bà **T** với **Công ty C** thể hiện thửa đất số 163 (một phần thửa 186), tờ bản đồ 68 (14), diện tích thửa đất 5776,8m², diện tích giao khoán 4.400m², diện tích được hỗ trợ 5458,8m², diện tích không được hỗ trợ 318m², đây là đất giao thông thuộc lộ giới quy hoạch **Quốc lộ B** không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Công ty C**, bà **T** yêu cầu xác định lại diện tích đất này để tính các khoản hỗ trợ cho bà **T**. Xét, tổng diện tích đất bà **T** nhận khoán theo 02 Hợp đồng trên là 7.986m², diện tích đo thực tế là 9.962,8m², diện tích được tính hỗ trợ 9.339,3m² là tăng 1.353,3m² so với diện tích đất giao khoán, đã được tính để hỗ trợ cho bà **T** là đã đảm bảo quyền lợi của hộ bà **T**.

[2.2] Trong diện tích 623,5m² không được hỗ trợ, bà **T** yêu cầu xác định lại để phê duyệt các khoản hỗ trợ đối với diện tích 318m² đất giao thông thuộc lộ giới quy hoạch **Quốc lộ B** không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Công ty C**. Khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Trường hợp đất nông nghiệp không phải là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng*

sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức kinh tế đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại”. Xét, 318m² đất bà T yêu cầu hỗ trợ là đất giao thông, không phải đất nông nghiệp, không nằm trong diện tích đất được giao khoán cho hộ gia đình bà T nên không đủ điều kiện để được tính hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu xác định 318m² đất giao thông phải tính các khoản hỗ trợ cho bà T là không có cơ sở, không đúng pháp luật. Mặt khác, bà T không yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện E phải thể hiện diện tích 318m² đất giao thông thuộc lộ giới Quốc lộ B trong bản trích đo, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc UBND thực hiện hành vi này là vượt quá yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Từ các mục trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 430/QĐ-VKS-HC ngày 21/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện E được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

Áp dụng khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 144; điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 66, khoản 2 Điều 78, các Điều 82, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai; Khoản 5, 6 điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Khoản 1 Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Quỳnh T {gồm: - yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện E đối với phần hỗ trợ của bà Vũ Thị Quỳnh T, về hỗ trợ chi phí

đầu tư còn lại vào đất và phần không xác định diện tích 318m² đất giao thông thuộc lộ giới Quốc lộ B; - yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định 78/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Vũ Thị Quỳnh T, trong đó bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất}.

- Bà Vũ Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0014172 ngày 06/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

- Ủy ban nhân dân huyện E (kế thừa là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000181 ngày 13/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra IV-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và kiểm sát việc xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân